BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**ĐIỀU TRỊ GÃY GÒ MÁ, CUNG TIẾP BẰNG NẮN CHỈNH CÓ GÂY MÊ HOẶC GÂY TÊ**

QTKT.04.RHM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **BSCKI. Nguyễn Thành Đạt** | **BSCKII. Trần Đức Thắng** | **BSCKII. Phạm Văn Thinh** |
| Ký  |  |  |  |

**QUY TRÌNH**

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**ĐIỀU TRỊ GÃY GÒ MÁ, CUNG TIẾP BẰNG NẮN CHỈNH CÓ GÂY MÊ HOẶC GÂY TÊ**

**1. ĐẠI CƯƠNG**

Là kỹ thuật điều trị gãy gò má cung tiếp bằng nắn chỉnh**.**

**2. CHỈ ĐỊNH**

Đường gãy xương gò má cung tiếp đơn giản

**3. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Khi tình trạng toàn thân không cho phép

**4. THẬN TRỌNG**

**5. CHUẨN BỊ**

**5.1. Người thực hiện:**
- Phẫu thuật viên: Bác sỹ Răng hàm mặt đã được đào tạo về phẫu thuật chấn thương Hàm mặt.

- 01 phụ mổ

**5.2.Thuốc:**

- Thuốc tê nhóm Amide

- Dung dịch NaCl 0.9%

- Dung dịch sát khuẩn Povidone Iodine 10%

**5.3. Vật tư:**

**-** Lưỡi dao

- Chỉ khâu cân cơ các loại

- Chỉ khâu da các loại

**5.4. Trang thiết bị:**

- Bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt

- Móc /bẩy để nắn chỉnh

- Máy hút

**5.5. Người bệnh:** - Được giải thích và đồng ý với kế hoạch điều trị.

- Phim CLVT hàm mặt dựng hình 3D xác định tình trạng gãy xương gò má cung tiếp.

**5.6. Hồ sơ bệnh án:**

Hồ sơ bệnh án theo quy định.

**5.7. Thời gian thực hiện kỹ thuật:** (Ước tính)

0.5 giờ

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật:**

Phòng phẫu thuật tại khoa Gây mê hồi sức

**5.9. Kiểm tra hồ sơ**

a) Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: đúng người bệnh, đúng chẩn đoán, đúng vị trí cần thực hiện kỹ thuật...

b) Thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật, thủ thuật

**6. TIẾN HÀNH QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

6.1. Bước 1. Dùng bút chuyên dụng vẽ xác định các đường rạch trên da

6.2. Bước 2. Rạch da: ngay trên thân xương gò má

6.3. Bước 3. Luồn móc xương vào thân xương gò má .

6.4. Bước 4. Dùng lực nắn chỉnh thân gò má về đúng vị trí giải phẫu

6.5. Bước 5. Cầm máu

6.6. Bước 6. Khâu đóng phần mềm theo các lớp giải phẫu.

6.7. Bước 7. Kết thúc quy trình

- Đánh giá tình trạng người bệnh sau thực hiện kỹ thuật

- Hoàn thiện ghi chép hồ sơ bệnh án, lưu hồ sơ

- Bàn giao người bệnh cho khoa lâm sàng

**7. THEO DÕI VÀ XỬ TRÍ TAI BIẾN**

**7.1. Tai biến trong khi thực hiện kỹ thuật**

Chảy máu. Xử trí: Cầm máu

**7.2. Tai biến sau khi thực hiện kỹ thuật**

- Chảy máu: Cầm máu.

- Tụ máu: Lấy máu tụ.

- Nhiễm trùng: kháng sinh toàn thân và chăm sóc vết mổ.

**7.3. Biến chứng muộn**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quyết định số 3207/QĐ-BYT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng Hàm Mặt
2. Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 Của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “ Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”
3. Quyết định số 3955/QĐ-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
4. Quyết định số 3959/QĐ-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành định mức nhân lực và thời gian làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CHUẨN BỊ ĐỂ THỰC HIỆN KỸ THUẬT**

**ĐIỀU TRỊ GÃY GÒ MÁ, CUNG TIẾP BẰNG NẮN CHỈNH CÓ GÂY MÊ HOẶC GÂY TÊ**

 *(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trên thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong cuộc mổ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trục tiếp**  | Người | 2 |
| 1.1 | Phẫu thuật viên chính  | Người | 1 |
| 1.2 | Phụ mổ | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc**  |  |  |
| 2.1 | Povidone Iodine 10% | Lọ | 1 |
| 2.2 | NaCl 0.9% | Chai | 1 |
| 2.3 | Thuốc tê nhóm Amide | Ống | 2 |
| **3** | **Vật tư**  |  |  |
| 3.1 | Khẩu trang | Cái | 0,006 |
| 3.2 | Áo phẫu thuật | Cái | 0,006 |
| 3.3 | Mũ phẫu thuật | Cái | 0,006 |
| 3.4 | Xăng phẫu thuật | Cái | 4 |
| 3.5 | Kim tê | Cái | 1 |
| 3.6 | Dao mổ | Cái | 1 |
| 3.7 | Găng mổ | Đôi | 2 |
| 3.8 | Chỉ phẫu thuật dùng trong | Sợi | 1 |
| 3.9 | Chỉ phẫu thuật dùng ngoài | Sợi | 1 |
| 3.10 | Gạc phẫu thuật tiệt trùng 10x10cm | Miếng | 10 |
| 3.11 | Băng dính | Cuộn | 0.1 |
| 3.12 | Dung dịch rửa tay | ML | 10 |
| 3.13 | Dung dịch sát khuẩn tay | Ml | 10 |
| **4** | **Trang thiết bị** |  |  |
| 4.1 | Bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt | Bộ | 1 |
| 4.2 | Móc hoặc bẩy  | Cái | 1 |
| 4.3 | Máy hút | Bộ | 1 |